

Số: 07/TTr-MNCPTS

Tiên sơn, ngày 18 tháng 08 năm 2025

### TỜ TRÌNH

**Đề nghị phê duyệt danh mục và dự toán mua sắm Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn, Cung cấp sữa bột và Gas (chất đốt) cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026**

Kính gửi: **Hiệu trưởng trường mầm non C phường Tiên Sơn**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023;*

*Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;*

*Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 về việc Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 05/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc ban hành điều lệ trường mầm non;*

*Căn cứ vào nguồn vốn mua sắm được giao và dự kiến nhu cầu sử dụng lương thực, thực phẩm cho bếp ăn năm học 2025-2026 của Trường Mầm non Khánh Dương.*

*Tổ mua sắm trình Hiệu trưởng Trường Mầm non C phường Tiên Sơn xem xét phê duyệt danh mục Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn, Cung cấp sữa bột và Gas (chất đốt) cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026 với những nội dung sau:*

#### **I. Nội dung trình duyệt**

1. Nội dung mua sắm: Danh mục sắm theo phụ lục đính kèm
2. Đơn vị thực hiện: Trường Mầm non C phường Tiên Sơn.
3. Nguồn vốn:

- Với gói thầu Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn: Nguồn thu dịch vụ tiền ăn bán trú..

- Với gói thầu Cung cấp sữa cho học sinh Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026: Nguồn thu dịch vụ;

- Với gói thầu Cung cấp Gas (chất đốt) cho học sinh Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026: Nguồn thu dịch vụ;

4. Thời gian thực hiện: Năm học 2025 -2026

5. Tổng giá trị dự toán mua sắm: **1.061.755.000**đồng (*Một tỷ, không trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng*).

6. Hình thức mua sắm:

- Với gói thầu Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn: Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Với gói thầu Cung cấp sữa cho học sinh Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026: Chỉ định thầu rút gọn;

- Với gói thầu Cung cấp Gas(chất đốt) cho học sinh Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026: Chỉ định thầu rút gọn;

## **II. Sự cần thiết, phù hợp của việc mua sắm**

Việc mua sắm các suất ăn thuộc danh mục kèm theo tờ trình này là cần thiết để phục vụ cho học sinh của Trường Mầm non C phường Tiên Sơn trên cơ sở chức năng nhiệm vụ được giao và kế hoạch công tác của trường năm học 2025-2026.

## **III. Cơ sở xác định giá dự toán mua sắm.**

Căn cứ báo giá của các đơn vị cung cấp.

Tổ mua sắm kính đề nghị Hiệu trưởng Trường mầm non C phường Tiên Sơn xem xét phê duyệt./.

## **IV. Kiến nghị**

Trên cơ sở những nội dung trình duyệt nêu trên, Tổ mua sắm đề nghị Hiệu trưởng Trường Mầm non C phường Tiên Sơn xem xét, phê duyệt danh mục Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho bếp ăn, Cung cấp sữa bột và Gas(chất đốt) cho Trường Mầm non C phường Tiên Sơn năm học 2025-2026.

Kính trình Hiệu trưởng Trường Mầm non C phường Tiên Sơn xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu VT.

**TỔ TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Yên Nhi**

**PHỤ LỤC DANH MỤC MUA SẴM HÀNG HOÁ**

STT	Tên thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<b>I</b>	<b>GẠO CÁC LOẠI</b> (Được đóng gói theo quy trình ISO, có hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, có minh chứng tem mác rõ ràng có truy xuất nguồn gốc (mã QR, mã vạch), ghi rõ ngày, tháng đóng gói, hạn sử dụng)				<b>94.920.000</b>
1	Gạo nếp	Kg	210	32.000	6.720.000
2	Gạo bắc thơm	Kg	4200	21.000	88.200.000
<b>II</b>	<b>HÀNG KHÔ VÀ GIA VỊ</b>				<b>85.010.000</b>
1	Nước mắm nam ngư độ nhì	Lít	124	24.000	2.976.000
2	Dầu ăn Neptune	Lít	230	64.000	14.720.000
3	Lạc hạt	Kg	45	60.000	2.700.000
4	Vừng	Kg	21	95.000	1.995.000
5	Đậu đen xanh lòng	Kg	15	84.000	1.260.000
6	Đậu xanh bỏ vỏ	Kg	150	44.000	6.600.000
7	Bánh đa phở (phở khô)	Kg	185	37.000	6.845.000
8	Bánh đa tằm( Bún khô)	Kg	185	32.000	5.920.000
9	Đường kính trắng	Kg	50	30.000	1.500.000
10	Muối hạt	Kg	33	12.000	396.000
11	Nấm hương khô	Kg	75	300.000	22.500.000
12	Miến dong	Kg	37	64.000	2.368.000
13	Bột sắn dây	Kg	26	160.000	4.160.000
14	Đậu đỏ	Kg	15	50.000	750.000
15	Bột canh hải châu	Kg	200	25.000	5.000.000
16	Nước cốt dừa	hộp	14	20.000	280.000
17	Hạt sen khô	Kg	28	180.000	5.040.000
<b>III</b>	<b>THỦY HẢI SẢN TƯƠI SỐNG</b>				<b>101.560.000</b>
1	Cá trắm	Kg	432	80.000	34.560.000
2	Ngao	Kg	100	22.000	2.200.000
3	Tôm biển	Kg	150	320.000	48.000.000
4	Cua đồng	Kg	70	240.000	16.800.000
<b>IV</b>	<b>THỊT GIA SÚC, THỊT GIA CÀM</b>				<b>271.830.000</b>
1	Xương đuôi	Kg	110	74.000	8.140.000
2	Sườn lợn nguyên tấm	Kg	170	142.000	24.140.000
3	Thịt lợn sản móng	Kg	230	134.000	30.820.000
4	Thịt lợn nạc	Kg	120	144.000	17.280.000
5	Thịt vịt sc	Kg	530	110.000	58.300.000
6	Tim, cật	Kg	150	194.000	29.100.000
7	Thịt bò	Kg	130	250.000	32.500.000
8	Thịt gà ta lai sc	Kg	530	135.000	71.550.000
<b>V</b>	<b>RAU CỦ QUẢ</b>				<b>106.396.000</b>
1	Bí ngô non	Kg	350	16.000	5.600.000

2	Cải canh	Kg	130	32.000	4.160.000
3	Rau muống	Kg	200	18.000	3.600.000
4	Rau ngót	Kg	100	36.000	3.600.000
5	Rau răm	Kg	4,5	28.000	126.000
6	Thì là	Kg	4,5	60.000	270.000
7	Đậu phụ	Kg	170	22.000	3.740.000
8	Súp lơ	Kg	40	50.000	2.000.000
9	Đậu cô ve	Kg	50	32.000	1.600.000
10	Rau cải ngọt	Kg	50	32.000	1.600.000
11	Gấc	Kg	60	15.000	900.000
12	Su hào	Kg	35	28.000	980.000
13	Mướp	Kg	50	26.000	1.300.000
14	Giá đậu xanh	Kg	172	14.000	2.408.000
15	Củ cải trắng	Kg	75	14.000	1.050.000
16	Ngô ngọt	Kg	170	17.000	2.890.000
17	Khoai tây	Kg	200	18.000	3.600.000
18	Rau mồng tơi	Kg	200	26.000	5.200.000
19	Su su	Kg	340	16.000	5.440.000
20	Gừng tươi	Kg	15	36.000	540.000
21	Hành khô	Kg	40	40.000	1.600.000
22	Hành lá	Kg	110	42.000	4.620.000
23	Bắp cải	Kg	189	16.000	3.024.000
24	Bí đao (bí xanh)	Kg	380	18.000	6.840.000
25	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	380	16.000	6.080.000
26	Cà chua	Kg	720	32.000	23.040.000
27	Cà rốt (củ đỏ, vàng)	Kg	500	20.000	10.000.000
28	Nghệ tươi	Kg	4	42.000	168.000
29	Tỏi	Kg	7,5	56.000	420.000
<b>VI</b>	<b>TRỨNG</b>				<b>35.000.000</b>
1	Trứng gà	Quả	4000	4.000	16.000.000
2	Trứng chim cút	Quả	20.000	950	19.000.000
<b>VIII</b>	<b>TRÁI CÂY TRÁNG MIỆNG</b>				<b>75.264.000</b>
1	Cam	Kg	350	32.000	11.200.000
2	Dưa hấu	Kg	1130	30.000	33.900.000
3	Dưa vàng	Kg	445	36.000	16.020.000
4	Thanh long	Kg	442	32.000	14.144.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>				

*\*Danh mục sữa bột*

STT	Tên thực phẩm	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
<b>I</b>	<b>SỮA BỘT (SPDD)</b>				<b>237.900.000</b>
1	Sữa GROW SCHOOL trên 2 tuổi	Kg	902	260.000	234.520.000

2	Sữa GROW PLUS trên 1 tuổi	Kg	13	260.000	3.380.000
	<b>Cộng</b>				<b>237.900.000</b>

*\*Danh mục Ga ( chất đốt)*

<i>STT</i>	<i>Tên thực phẩm</i>	<i>ĐVT</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá (VNĐ)</i>	<i>Thành tiền (VNĐ)</i>
1	Ga	kg	2155	25.000	53.875.000
	<b>Cộng</b>				<b>53.875.000</b>